

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH THỦY  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 - 9 - 2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thành Lâm**

**Ông Đoàn Hồng Canh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2021. Tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Ở: Khu 7, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Ngọc H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị H1 với anh Trần Ngọc H tự nguyện kết hôn vào ngày 28/02/2013, có đăng ký tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tình cảm vợ chồng hòa hợp cho đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có mối quan hệ bên ngoài, không tu chí làm ăn lo cho gia đình; Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị xác định quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên chị đề nghị ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị H1 xác định chị và anh H có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 20/6/2020. Hiện tại các con đang ở với chị H. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Quá trình giải quyết anh Trần Ngọc H vắng mặt, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh H vắng mặt không lý do.**

- Qua xác minh tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xác định: Anh H hiện tại có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh H thường xuyên sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là gia đình ông Trần Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Tỵ ở khu 4 xã T, huyện Thanh Thủy. Cuộc sống vợ chồng giữa anh H và Chị H1 thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Anh H và Chị H1 có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 20/6/2020. Hiện các cháu đã đi theo Chị H1 không sinh sống tại xã T nữa. Trường hợp anh H và Chị H1 có tranh chấp nuôi con chung thì nguyên nhân là do nguyện vọng của người làm cha làm mẹ muốn được nuôi dưỡng con. UBND xã T đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

- Qua xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xác định: Anh H và Chị H1 kết hôn với nhau năm 2013. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Anh H và Chị H1 có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 20/6/2020. Khi vợ chồng sống ly thân thì Chị H1 đã đưa cả 02 con đi theo. Trường hợp anh H và Chị H1 có tranh chấp về con chung thì nguyên nhân là do nguyện vọng của người làm cha làm mẹ muốn được nuôi dưỡng con. Hội phụ nữ xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

- Qua làm việc với ông Trần Văn Lâm là bố của anh H thì ông Lâm xác định anh H sinh sống cùng nhà với vợ chồng ông, hiện tại anh H bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với Chị H1 được. Những lần Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thì ông đều giao và thông báo cho anh H biết.

Anh H thể hiện quan điểm về việc giải quyết ly hôn với Chị H1 qua ông Lâm như sau:

+ Về hôn nhân: Anh H xác định anh với Chị H1 tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy. Sau khi kết hôn thì anh H và Chị H1 chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ chồng. Tình cảm những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; thời gian gần đây thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hòa hợp nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay tình cảm không còn, Chị H1 yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

+ Về con chung: Anh H xác định anh và Chị H1 có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 20/6/2020. Hiện các cháu ở cùng chị Hà. Khi ly hôn do anh H bận công việc làm ăn nên đề nghị giao cho

Chị H1 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh H không yêu cầu giải quyết.

+ Anh H đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

**\* *Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1

Về hôn nhân: Xử cho Chị H1 được ly hôn anh Hòa.

Về con chung: Giao cho Chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật M, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 20/6/2020. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở;.

Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Chị H1 do điều kiện bận công việc nên chỉ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh H về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh H đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

#### **2. Về nội dung:**

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H1 kết hôn với anh H vào năm 2013, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị H1 và anh H đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống thường ngày. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh H về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh H đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh H đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND và Hội liên hiệp phụ nữ xã T nơi anh H và Chị H1 sinh sống xác định cuộc sống vợ

chồng giữa anh H và Chị H1 đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng sống ly thân, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án ly hôn để đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và Chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung trong thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của Chị H1 xử cho Chị H1 được ly hôn anh H là phù hợp.

[2] Xét về con chung: Anh H và Chị H1 có 02 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 20/6/2020. Hiện nay cháu Minh và cháu Bảo đang ở với chị H. Khi ly hôn Chị H1 đề nghị được nuôi cả 02 con. Qua lời khai thì cháu Minh có nguyện vọng được ở cùng mẹ, còn cháu Bảo vẫn còn nhỏ (15 tháng tuổi). Do đó HĐXX cần giao cháu Minh và cháu Bảo cho Chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị H1 không yêu cầu là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H1 không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

\* Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

\* Áp dụng Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Trần Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật M, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 20/6/2020; kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa Chị H1 và anh H chấm dứt cho đến khi cháu Minh, cháu Bảo thành niên.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000741 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**